TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền;

2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1994; nơi cư trú: số 903x, xã TMT, huyện Cp, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: 3/18, tổ 6xx, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm 1991; nơi cư trú: số 437, khóm C, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông H và bà M được mai mối nên đi đến hôn nhân, đình mai mối và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2015 tại Uỷ ban nhân dân xã TMT, huyện Cp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở Thuận Giao, tỉnh Bình Dương được khoảng 04 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, thường xuyên cãi vả. Ông H và bà M đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10/2015 cho đến

nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, ông H yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, ông H khai không có con chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông H có văn bản trình bày cho rằng vợ chồng có 01 con chung là bé trai, sinh năm 2016, không rõ họ tên vì bà M không cho nhận con. Do đó, ông H giao con cho bà M nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Dương Thị M nhưng bà M không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện công việc gia đình. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống ông H, bà M xảy ra mâu thuẫn và hiện không còn sống chung. Quá trình Tòa án thụ lý và mời hòa giải, bà M biết sự việc nhưng không đến, không có thiện chí hàn gắn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó, việc ông H yêu cầu được ly hôn với bà M là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông H giao con chung cho bà M nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con. Thông qua bà Thảo được biết bà M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo ổn định về tâm sinh lý, cũng như sinh hoạt con chung. Do đó, việc giao con chung cho bà M nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật, công nhận sự tự nguyện của bà M trong việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền*:* Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Dương Thị M có nơi cư trú: số 473, khóm C, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiến bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà M đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện Cp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 129 ngày 24/6/2015 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo lời khai của ông H trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình khó khăn, mâu thuẫn về tiền bạc nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 10/2015 đến nay, thời gian xa cách tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn.

Theo lời khai của bà Phạm Thị Phương Thảo (chị họ của M) trình bày: Bà Thảo có nhận thay M những văn bản tố tụng của Tòa án và có điện thoại cho bà M biết sự việc. Tuy nhiên, bà M cho biết đang đi làm thuê nên không thể có mặt theo triệu tập của Tòa án. Đồng thời, do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hàn gắn được và đã không còn sống chung khoảng năm 2017 đến nay. Do đó, bà M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H; yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Xét thấy, giữa ông H, bà M phát sinh mâu thuẫn là có thật, thời gian xa cách đã lâu nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm, đã không

còn quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người điều có cuộc sống riêng. Bên cạnh đó, bà M biết được ông H khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhưng vẫn không đến để hòa giải, hàn gắn. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa ông H và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn với bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông H và bà M có 01 con chung tên Dương Tấn A, sinh ngày 18/01/2016, hiện do M đang nuôi dạy, ông H giao con cho M nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con. Xét, để ổn định môi trường sống cũng như sinh hoạt con chung nên Hội đồng xét xử xét quyết định giao 01 con chung cho bà M tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành, theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà M.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: ông H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông H phải án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H.

1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn H được ly hôn với bà Dương Thị M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện Cp, tỉnh An Giang, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Dương Thị M được tiếp tục nuôi dạy 01 con chung tên Dương Tấn A, sinh ngày 18/01/2016, cho đến tuổi trưởng thành. Ông Huỳnh Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Dương Thị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn H phải chịu *300.000 (Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0001975 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; ông H đã nộp đủ án phí.

Bà Dương Thị M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Văn H và bà Dương Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Đại Nam